

HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI VIỆT CÔNG GIÁO Ở LÀNG YÊN MỸ, THỊ TRẤN XUÂN HOÀ, HUYỆN MÊ LINH, TỈNH VĨNH PHÚC

NGUYỄN THỊ XUÂN

Nghiên cứu về hôn nhân của người Việt Công giáo ở làng Yên Mỹ (làng Công giáo toàn tòng), thị trấn Xuân Hoà, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc nhằm làm sáng tỏ những quan niệm đạo đức và nếp sống truyền thống của người Việt nói chung cũng như sắc thái văn hoá trong hôn nhân của người Việt công giáo nói riêng ở nước ta. Trong bài viết này, chúng tôi xin đề cập một số khía cạnh về hôn nhân của người dân Yên Mỹ từ những năm trước Cách mạng Tháng Tám 1945 và những biến đổi hiện nay.

1. CÁC NGUYÊN TẮC TRONG HÔN NHÂN

1.1. Hôn nhân ngoại tộc

Ở Yên Mỹ, chế độ hôn nhân một vợ một chồng theo nguyên tắc ngoại hôn đã được thiết lập từ lâu. Với nguyên tắc này, người cùng dòng máu theo trục hệ phải sau 5 đời mới được lấy nhau. Trong khi đó luật Công giáo qui định: "Họ hàng thân thích không được lấy nhau từ 3 đời trở xuống. Thân quyến không được lấy nhau từ hai đời trở xuống" (1) thì người dân Yên Mỹ lấy câu "Họ máu, họ kết bạn, họ thiêng liêng" làm tiêu chí để xác định hôn nhân ngoại tộc.

"Họ máu" được hiểu là họ nội, bao gồm những người con trai của dòng họ có cùng quan hệ huyết thống tính theo dòng cha. Những người này thường được xếp vào "ngạch dọc" và con cháu của họ phải sau ít nhất 5 đời mới được phép lấy nhau. Trên thực tế, nếu qua năm đời mà hai chi họ vẫn quan hệ gần gũi thì quan hệ hôn nhân rất ít khi xảy ra. Nếu ai cố tình vi phạm, các cụ

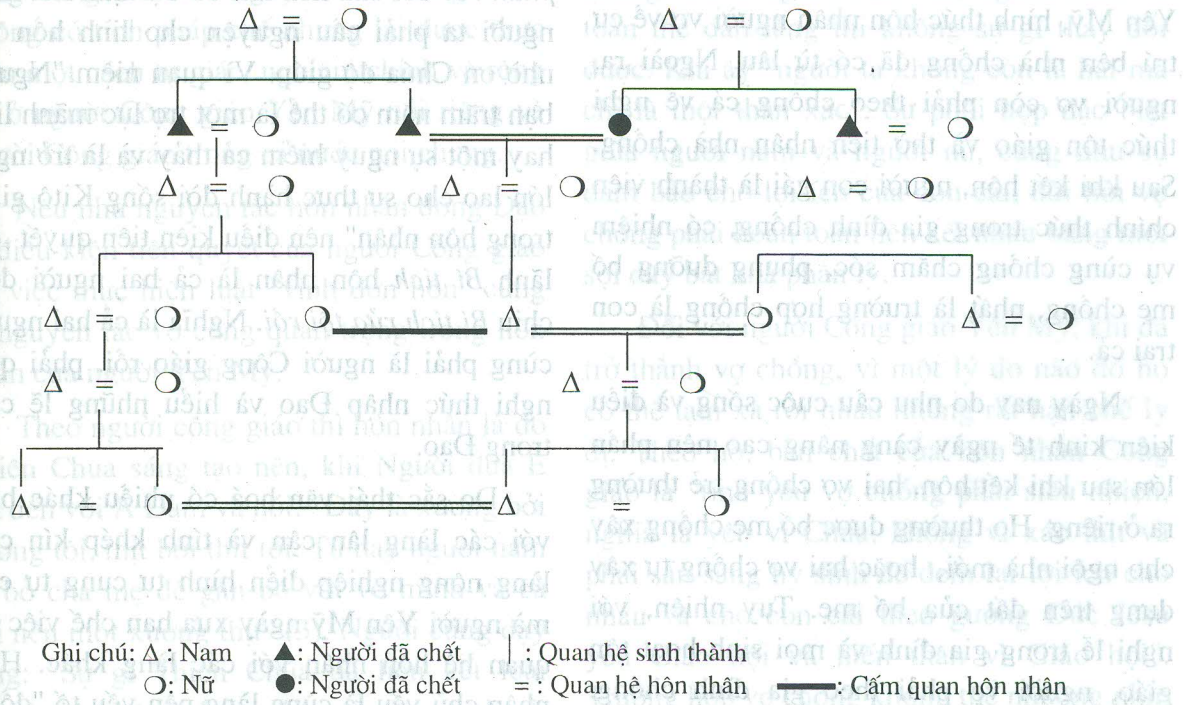
"nóc họ" sẽ không thực hiện trách nhiệm vai trên của mình với mọi công việc của đám cưới.

"Họ kết bạn" được hiểu là họ ngoại, bao gồm những người có huyết thống với người mẹ. Người con gái và con cháu của họ được tính là *ngành ngang* với các anh em trai của mình. Trường hợp hôn nhân với "họ kết bạn", "họ máu" nhưng là ngành ngang đều cần qua ba đời mới được chấp nhận. Nhưng nếu cả hai bên còn đi lại thân thiết thì không nên. Trên thực tế rất ít trường hợp có quan hệ hôn nhân ở đời thứ tư, vì dân làng cho như thế là quá gần (xem Hình 1).

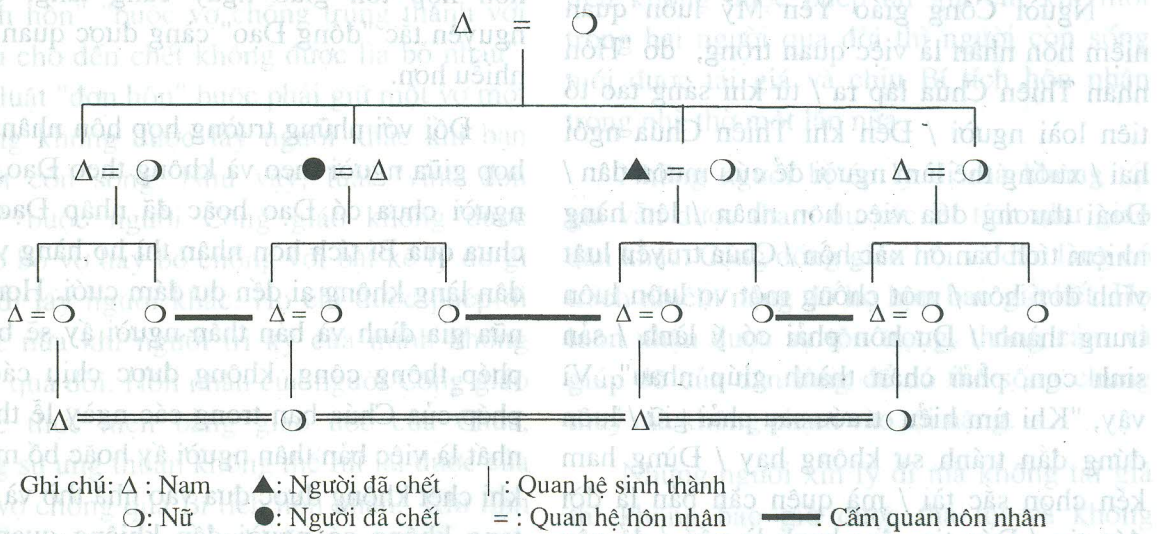
"Họ thiêng liêng" là quan hệ tính theo tên thánh (2) của bố (nếu là con trai), của mẹ (nếu là con gái), hoặc người nhận đỡ đầu nhập Đạo cho mình. Dân làng cho rằng "Con cha con mẹ thì xa, đã là con thánh Ighê thì gần". Người đã mang họ thiêng liêng được coi như người ruột thịt trong gia đình. Mặc dù giáo luật chỉ quy định "Họ thiêng liêng là người rửa tội và cha mẹ đỡ đầu không được lấy người mình rửa tội hay đỡ đầu" nhưng với dân làng thì con cháu những người có quan hệ họ thiêng liêng phải sau ba đời mới được có quan hệ hôn nhân với nhau (xem Hình 2).

Để tránh vi phạm qui tắc ngoại hôn, con cái lớn lên được bố mẹ, ông bà tạo điều kiện làm quen với các mối quan hệ họ hàng. Ông bà, cha mẹ sẽ chỉ bảo cho họ biết ai là người có thể và không thể kết hôn được.

Hình 1: Sơ đồ biểu thị quan hệ hôn nhân ngoại tộc



Hình 2: Sơ đồ biểu thị quan hệ hôn nhân của họ thiêng liêng



1.2. Nguyên tắc cư trú sau hôn nhân

Theo truyền thống của người Việt làng Yên Mỹ, hình thức hôn nhân người vợ về cư trú bên nhà chồng đã có từ lâu. Ngoài ra, người vợ còn phải theo chồng cả về nghi thức tôn giáo và thờ tiên nhân nhà chồng. Sau khi kết hôn, người con gái là thành viên chính thức trong gia đình chồng, có nhiệm vụ cùng chồng chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ chồng, nhất là trường hợp chồng là con trai cả.

Ngày nay do nhu cầu cuộc sống và điều kiện kinh tế ngày càng nâng cao nên phần lớn sau khi kết hôn, hai vợ chồng trẻ thường ra ở riêng. Họ thường được bố mẹ chồng xây cho ngôi nhà mới, hoặc hai vợ chồng tự xây dựng trên đất của bố mẹ. Tuy nhiên, với nghi lễ trong gia đình và mọi sinh hoạt tôn giáo, người vợ phải theo gia đình chồng. Trong gia đình, con trai cả thường ở cùng bố mẹ, kể cả khi đã có vợ và sinh con.

1.3. Nguyên tắc hôn nhân đồng Đạo và luật "vĩnh đơn hôn"

Người Công giáo Yên Mỹ luôn quan niệm hôn nhân là việc quan trọng, do "Hôn nhân Thiên Chúa lập ra / từ khi sáng tạo tổ tiên loài người / Đến khi Thiên Chúa ngôi hai / xuống thế làm người để cứu muôn dân / Đoái thương đưa việc hôn nhân / lên hàng nhiệm tích ban ơn xác hồn / Chúa truyền luật vĩnh đơn hôn / một chồng một vợ luôn luôn trung thành / Dự hôn phải có ý lành / sản sinh con, phải chân thành giúp nhau". Vì vậy, "Khi tìm hiểu trước sau phải giữ / luôn đứng đắn tránh sự không hay / Đừng ham kén chọn sắc tài / mà quên căn bản là đời đức tin / Đức tin, đạo hạnh là nền / để xây hạnh phúc vững bền hôn nhân".

Vì hôn nhân là việc lớn, việc quan trọng liên quan đến hạnh phúc gia đình đời này và *phần rỗi* đời sau nên khi có dự định kết hôn người ta phải cầu nguyện cho linh hồn và nhờ ơn Chúa độ giúp. Vì quan niệm "Người bạn trăm năm có thể là một trợ lực mãnh liệt hay một sự nguy hiểm cả thảy và là trở ngại lớn lao cho sự thực hành đời sống Kitô giáo trong hôn nhân" nên điều kiện tiên quyết để lãnh *Bí tích* hôn nhân là cả hai người đều chịu *Bí tích rửa tội* rồi. Nghĩa là cả hai người cùng phải là người Công giáo rồi, phải qua nghi thức nhập Đạo và hiểu những lễ cần trong Đạo.

Do sắc thái văn hoá có nhiều khác biệt với các làng lân cận và tính khép kín của làng nông nghiệp điển hình tự cung tự cấp mà người Yên Mỹ ngày xưa hạn chế việc có quan hệ hôn nhân với các làng khác. Hôn nhân chủ yếu là cùng làng nên yếu tố "đồng Đạo" là tất nhiên, vì Yên Mỹ là làng Đạo toàn tông. Ngày nay, do xã hội phát triển, nhu cầu giao tiếp giữa các làng, các vùng miền được mở rộng nên xu hướng hôn nhân hỗn hợp tôn giáo ngày càng tăng, buộc nguyên tắc "đồng Đạo" càng được quan tâm nhiều hơn.

Đối với những trường hợp hôn nhân hỗn hợp giữa người theo và không theo Đạo, nếu người chưa có Đạo hoặc đã nhập Đạo mà chưa qua *Bí tích* hôn nhân thì họ hàng và cả dân làng không ai đến dự đám cưới. Hơn thế nữa gia đình và bản thân người ấy sẽ bị rút phép thông công, không được chịu các ơn phép của Chúa ban trong các ngày lễ thánh, nhất là việc bản thân người ấy hoặc bố mẹ họ khi chết không được đưa vào nhà thờ và đám tang không có người đến khiêng quan tài. Đây có thể coi là sự tủi hổ nhất đối với người

làng và là một hình phạt vô cùng nặng đối với những ai vi phạm nguyên tắc cố kết của cộng đồng. Mặc dù nguyên tắc "đồng Đạo" không có tính pháp chế nhưng lại được thực hiện một cách tự giác, nghiêm chỉnh và rộng rãi ở người Công giáo Yên Mỹ nói riêng và người Công giáo trong cả nước nói chung.

Nếu như nguyên tắc hôn nhân đồng Đạo là điều kiện tiên quyết của người Công giáo thì việc thực hiện luật "vĩnh đơn hôn" cũng là nguyên tắc vô cùng quan trọng trong hôn nhân của người Yên Mỹ.

Theo người công giáo thì hôn nhân là do Thiên Chúa sáng tạo nên, khi Người đưa E Va đến với A Đam và nói: "Đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi. Từ nay người nam sẽ bỏ cha mẹ để gắn bó với vợ mình và cả hai nên một xương thịt" (3). Người cũng dạy rằng: "Sự gì Thiên Chúa đã liên kết loài người thì không được phân rẽ ra... Ai ly dị bạn mình mà lấy người khác thì phạm tội ngoại tình và ai lấy người đã ly dị cũng phạm tội ngoại tình nữa" (4).

Chính bởi lời Chúa phán dạy mà luật "vĩnh hôn" "buộc vợ chồng trung thành với nhau cho đến chết không được lìa bỏ nhau", còn luật "đơn hôn" buộc phải giữ một vợ một chồng không được lấy người khác khi bạn mình còn sống. Như vậy, luật "vĩnh đơn hôn" buộc người Công giáo không được phép bỏ vợ hay bỏ chồng với bất kể lý do gì mà đi lấy người khác. Họ chỉ được phép đi bước nữa khi người tri kỷ của mình không may qua đời. Hôn nhân của người Công giáo được thực hiện bằng giao ước của Chúa, bằng sự ưng thuận không thể rút lại được của hai vợ chồng qua Bí tích hôn nhân. Khi lĩnh Bí tích hôn nhân, họ đã thể hiện sự tự nguyện hiến dâng cho nhau và đón nhận nhau, cũng

như sự tuyên bố tự nguyện lấy nhau trước Chúa, trước Đức cha, trước hai người làm chứng, trước người bạn đời, người thân và toàn thể dân làng thì không sự gì thay đổi được. Khi ấy "người ta không còn là hai mà chỉ là một thân xác". Sự phối hợp đặc biệt giữa người nam và người nữ, cũng như sự đảm bảo cho lợi ích của con cái, đòi hỏi vợ chồng phải hoàn toàn liên kết nhau bằng một sợi dây bất khả phân ly.

Đối với người Công giáo Yên Mỹ, khi đã trở thành vợ chồng, vì một lý do nào đó họ có thể tạm xa rời nhau nhưng rất hạn chế ly dị. Theo họ, bản chất của hôn nhân Công giáo là "tình yêu vợ chồng phải siêu nhiên, nghĩa là yêu vì Chúa, không vì xác thịt và phải sẵn sàng hy sinh để đem lại lợi ích cho nhau và cho con cái theo gương Đức Giêsu yêu Giáo hội và hiến thân vì Giáo hội". Trường hợp vợ chồng không thể nhường nhịn nhau để chung sống một nhà nữa thì họ bắt buộc phải chọn giải pháp ly thân, hãn hữu mới có trường hợp ly dị.

Những cặp vợ chồng có hoàn cảnh như trên không được phép tái giá chỉ khi một trong hai người qua đời thì người còn sống mới được tái giá và chịu Bí tích hôn nhân trong nhà thờ một lần nữa.

Những người bị ép ly dị mà không tái giá vẫn được tham dự các Bí tích như giáo dân khác. Cộng đồng giáo hội và dân làng có trách nhiệm nâng đỡ họ hơn bao giờ hết. Họ luôn nhận được sự tôn trọng, thông cảm và giúp đỡ của dân làng để có thể sống chung thủy mà không phạm vào tội nặng.

Những người xin ly dị mà không tái giá thì không bao giờ được tha tội và không được chịu những Bí tích mà người Công giáo khác tham dự. Những người này phải sống

dần vật đến hết đời, vì linh hồn họ không bao giờ được cứu rỗi. Khi qua đời họ không được đưa vào nhà thờ để dân làng cầu nguyện cho linh hồn họ được yên nghỉ đời đời. Luật pháp nước ta đã qui định cho mọi công dân không phân biệt tôn giáo đều có quyền tái giá sau khi mất vợ hoặc chồng mình. Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 ghi rõ: "Khi một bên vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại toà án không thành thì toà án xem xét việc giải quyết ly hôn". Nhưng hầu hết các trường hợp này ở trong làng đều không ly dị và không tái giá, đặc biệt là người phụ nữ, họ thường dành quãng đời còn lại để chăm sóc con cái và phụng dưỡng bố mẹ chồng, vì luật pháp cho phép nhưng "toà án dự luận" lại lên án. Theo phong tục và nếp sống của làng thì quan hệ vợ chồng là một sự liên hệ gắn bó suốt cuộc đời của mỗi người. Khi một trong hai người qua đời, sự liên hệ đó được tiếp tục bằng sự tưởng nhớ và lời cầu nguyện của người sống dành cho người đã qua đời.

Có thể nói, nguyên tắc hôn nhân "đồng Đạo" và nguyên tắc "vĩnh đơn hôn" đã ăn sâu và duy trì khá bền vững trong tiềm thức cũng như trong văn hoá ứng xử của người Công giáo Yên Mỹ. Những nguyên tắc này đã có sức sống trong cộng đồng của họ không chỉ ở xã hội cũ mà ở cả trong điều kiện hiện nay.

2. CÁC NGHI LỄ

Theo phong tục cổ truyền, để trở thành vợ chồng, đôi trai gái ở Yên Mỹ phải trải qua rất nhiều nghi lễ bắt buộc, từ trong gia đình đến các nghi lễ ở nhà thờ.

Xưa kia, hôn nhân bị lệ thuộc nhiều vào việc "cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy". Khi cô gái nào đó lọt vào mắt cha mẹ chàng trai,

nhà trai sẽ nhờ người làm mối. Người được chọn làm mối không phân biệt nam nữ nhưng phải là người đứng tuổi, ăn nói giỏi và được kính trọng. Nhiệm vụ của người làm mối bắt đầu từ việc tìm hiểu gia đình, bản thân cô gái đến khi đám cưới diễn ra.

2.1. Thăm nhà

Sau khi được nhà trai nhờ vả, người làm mối thường qua lại và để ý đến các việc trong gia đình nhà cô gái. Mỗi lần đến, nhất là lần đầu, người mối thường vào bếp xem việc nội trợ của cô gái, xem trong đồng tro bếp có sót lại mẩu rơm rạ nào chưa cháy hết không - điều này sẽ nói lên sự gọn gàng, cẩn thận của cô gái và sự giáo dục của gia đình cô.

Nếu mọi điều kiện đặt ra cho cô gái, từ độ tuổi (xưa kia theo Giáo luật: nam 16 tuổi, nữ 14 tuổi) đến các nguyên tắc trong hôn nhân được đáp ứng thì sau một vài lần đến nhà cô gái, người mối sẽ có ý với bố mẹ cô. Nếu được chấp thuận, nhà trai sẽ nhờ mối đến *dạm ngõ*.

2.2. Dạm ngõ

Khác với nhiều địa phương, ở Yên Mỹ khi đi *dạm ngõ*, chỉ có người mối đến nhà gái thưa chuyện và họ không phải mang bất kỳ đồ lễ nào. Người mối đến chính thức ngõ lời, hôm đó hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, trao đổi, thống nhất ý kiến và thoả thuận ngày ăn hỏi. Tùy từng hoàn cảnh gia đình mà lễ hỏi có thể tiến hành sớm hay muộn.

2.3. Lễ hỏi

Lễ hỏi là một nghi thức quan trọng trong hôn nhân. Để thực hiện, nhà trai phải chuẩn bị một lễ nhỏ sang nhà gái thưa chuyện. Lễ vật chỉ gồm 30-50 quả cau, một chục lá trầu, 5 lạng chè, 1 cân đường phèn và 1 - 2 gói

mút lạc; tất cả được cho vào bị hoặc thúng để đưa sang nhà gái. Cùng đi với người làm mối còn có *nóc họ* của nhà trai: cả bên nội và bên ngoại khoảng 4-5 người. Sau này đám hỏi còn có thêm những người con gái chưa chồng (thường là chị em gái của chàng trai) gánh lễ hoặc đội lễ sang nhà gái.

Trong đám hỏi, chú rể không phải đi. Theo tục lệ của làng, chỉ khi lấy vợ thiên hạ chàng trai mới cần có mặt trong lễ hỏi. Lúc đi hỏi, người Yên Mỹ không chọn ngày kén giờ và không kiêng kỵ gì nhưng thường thì lễ hỏi vào đầu tháng và vào buổi tối sau giờ *đoạn thờ*. Sáng hôm sau, bố mẹ cô gái sắp trâu cau, chè... thành các gói nhỏ và đưa sang những gia đình người *nóc họ*, người trong họ, những chỗ gần gũi và hàng xóm thân cận để thông báo con mình đã *có trâu*.

Theo phong tục trước đây, sau lễ ăn hỏi chàng trai được coi như chàng rể tương lai của gia đình nhà gái và có nghĩa vụ như một người con rể. Ngoài những ngày giỗ và ngày gia đình nhà gái có việc lớn chàng trai phải đến giúp, vào các ngày tết, họ phải đi *sêu tết* nhà cô gái. Đặc biệt với tết Com mới (10-10), bắt buộc các chàng rể tương lai phải dẫn lễ sang nhà gái. Lễ vật thường là một mâm cơm và một mâm hồng quả. Các chàng trai nghèo thường lựa sau tết Com mới mới tính chuyện đi hỏi vợ. Đã có nhiều trường hợp chàng trai không lấy được cô gái vì *sêu tết* quá nặng so với khả năng kinh tế của gia đình họ. Tục *sêu tết* ngày nay đã bỏ nhưng việc chàng rể có quà cho bố mẹ vợ vào ngày Tết Nguyên Đán và tết Đoan Ngọ vẫn còn.

2.4. Lễ rao

Sau khi nhà trai làm tròn bổn phận như đã kể, hai gia đình sẽ dẫn chàng trai, cô gái đi *đăng ký* với chính quyền và thông báo với

Ban hành giáo để Ban ghi vào sổ hôn nhân và *rao* trên nhà thờ vào ba chủ nhật liên tiếp. Ví dụ về nội dung thông báo của Ban hành giáo: "Ban hành giáo xin thông báo việc hôn nhân của ...Giuse Nguyễn Văn T, ... tuổi, con Giuse Nguyễn Văn C và Maria Đinh Thị X ở ...; với An na Đinh Thị T... tuổi, con của Đa Minh Đinh Văn V và An na Đinh Thị Y ở...". Toàn dân họ sẽ được biết về việc hôn nhân này của chàng trai và cô gái. Trong ba tuần, nếu không có gì cản trở thì đôi trai gái ấy được làm tiếp lễ hôn nhân ở nhà thờ; còn ngược lại, cuộc hôn nhân sẽ bị huỷ bỏ. Làng còn quy định, ai biết đôi hôn nhân nào mắc ngăn trở mà không thông báo sẽ bị mắc tội.

Do việc kiểm tra các điều kiện và nguyên tắc của hôn nhân chặt chẽ như vậy nên việc tảo hôn và vi phạm nguyên tắc hôn nhân của làng rất ít xảy ra.

2.5. Lễ dẫn cau chia làng

Với người Yên Mỹ, qua lễ ăn hỏi và sau khoảng hai tuần rao trên nhà thờ, khi đã chắc chắn trong việc hôn nhân, nhà trai sẽ dẫn cau sang nhà gái để chia làng. Số lượng cau và đồ lễ tùy yêu cầu của nhà gái. Thường thì nhà trai dẫn khoảng 500-1.000 cau tươi, có trường hợp đến 2.000 cau, bởi lệ thuộc vào số lượng họ hàng và bạn bè của nhà gái. Tuy nhiên, nhiều trường hợp nhà gái phải tự mua thêm mới đủ chia. Trong lễ chia cau làng, mỗi gia đình *nóc họ* được từ 5-10 quả cau, họ hàng từ 3 -5 quả, hàng xóm, bạn bè thân cận thường 3 quả, còn lại mỗi gia đình ở làng đều được chia một hoặc hai quả cau. Đó là trách nhiệm của nhà trai và bố mẹ cô gái với dân làng; còn cô gái có trách nhiệm mời cau các bạn gái ở trong làng riêng. Ngoài cau chia làng ra, tùy theo điều kiện, nhà trai có thể dẫn lễ sang nhà gái một thủ lợn, một

thúng bún và một vài lít rượu. Nhà gái thường *lại quả* cho nhà trai một nửa.

Tục chia cau làng của người Yên Mỹ đã có từ lâu, để qua đó, gia đình nhà gái có lời với họ và với làng. Trong lễ hỏi và các nghi lễ sau đó, bố mẹ cô gái và cô gái phải đích thân mang trâu cau đi mời dân họ. Ngày nay, tục chia cau làng không còn, điều này đã giảm đi sự tốn kém cho nhà trai nhưng thay vào đó cả hai gia đình đều phải chi phí thêm cho lễ hỏi thành lễ ăn hỏi. Trước đây, sau khi nhà trai dẫn lễ sang, bố mẹ cô gái chỉ mời trâu những người trong họ và hàng xóm thân cận. Còn ngày nay, sau khi nhà trai dẫn lễ, cả hai gia đình sẽ mời dân họ buổi tối đến "phá trâu" ở nhà gái. Đôi trai gái ấy cũng mời bạn bè đến dự "tiệc ngọt".

Sau các nghi lễ trên (tức trước khi lễ hôn nhân được tiến hành trong nhà thờ), nếu cuộc hôn nhân bị huỷ bỏ bởi lỗi nhà gái thì nhà gái phải trả trâu cho nhà trai. Ngược lại, nếu lỗi do nhà trai thì nhà gái không phải trả trâu.

2.6. Lễ hôn nhân (phép cưới)

Với người Công giáo, trong một năm có hai mùa không làm lễ hôn nhân trong nhà thờ mà chỉ làm phép rạo, không nhất thiết phải ở trong nhà thờ, đó là Mùa Vọng và Mùa Chay. Mùa Vọng trước lễ Giáng sinh 5 tuần (từ ngày 17/11 đến ngày 24/12 dương lịch). Trong hai mùa này hầu như không có đôi nào làm phép cưới, nếu có thì rất ít người tham dự vì tính "trọng" của hai ngày lễ nói trên.

Vào mỗi sáng thứ năm hàng tuần, từ 4^h-5^h tùy theo mùa nóng hay mùa lạnh, các đôi tân hôn sẽ được làm phép cưới ở nhà thờ. Trước khi tham dự lễ này, đôi tân hôn và gia

đình của họ phải hoàn tất những tục lệ của làng và những quy định của Giáo hội, kể cả việc khải kinh và xưng tội với Linh mục. Ngày nay, nếu trai gái đến tuổi kết hôn mà chưa có bằng thi kinh thì bố mẹ phải xin lỗi nhà thờ trước dân làng và hứa sẽ dạy con tốt hơn.

Đôi tân hôn đến trước Linh mục, hai nhân chứng và toàn thể dân họ có mặt trong buổi lễ để tuyên bố ưng thuận lấy nhau theo đúng luật Giáo hội "tự do ưng thuận lấy nhau. Nếu thiếu yếu tố này, hoặc vì lầm lẫn quan trọng, hoặc vì bị đe dọa nặng nề đến nỗi trong lòng không ưng thuận nhưng bề ngoài tỏ ra ưng thuận, thì Bí tích hôn nhân bị coi là không thành. Ai biết mà thông báo thì lễ hôn nhân sẽ bị huỷ".

Khi vào lễ, người nam đứng bên phải, người nữ đứng bên trái, người nam đặt tay lên lòng bàn tay người nữ, chỉ sự trao thân gửi xác cho nhau. Sau đó Linh mục hỏi từng người. Xin nêu ví dụ:

Linh mục: "Giuse T, con có nhận Maria T làm vợ và nguyện chung sống với vợ mình? Khi thịnh vượng, lúc gian nan, khi mạnh khoẻ, lúc hoạn nạn, cũng như khi đau yếu luôn thương yêu, chia sẻ, tôn trọng, tận tình giúp đỡ và chung thủy với vợ đến hết đời không?".

Người nam: "Thưa Cha, con nhận".

Linh mục: "Maria T, con có nhận Giuse T làm chồng và nguyện chung sống với chồng mình? Khi thịnh vượng, lúc gian nan, khi mạnh khoẻ, lúc bệnh hoạn, cũng như khi đau yếu luôn thương yêu, chia sẻ, tôn trọng, tận tình giúp đỡ và chung thủy với chồng đến hết đời không?".

Người nữ: "Thưa Cha, con nhận".

Sau đó, người nam và người nữ cầm nhẫn trên tay.

Linh mục nói: "Maria T, con hãy nhận lấy chiếc nhẫn này làm bằng chứng cho tình yêu và lòng trung thành của bạn con. Con phải luôn thương yêu bạn con như tình yêu của Chúa Giêsu với Hội thánh người. Nhân danh Cha, Con và Thánh thần".

Người nam trao nhẫn cho người nữ.

Linh mục lại nói: "Giuse T, con hãy nhận chiếc nhẫn này làm bằng chứng cho tình yêu và lòng trung thành của bạn con. Con phải luôn thương yêu bạn con như tình yêu của Chúa Giêsu với Hội thánh người. Nhân danh Cha, Con và Thánh thần".

Người nữ trao nhẫn cho người nam.

Sau đó Linh mục đọc lời nguyện, chúc phúc cho đôi bạn đời và chuẩn bị vào lễ cho họ và cộng đồng (nếu ai làm đám cưới trong Mùa Vọng và Mùa Chay thì không có phần lễ này).

Ngay trong buổi sáng hôm làm lễ hôn nhân, nhà trai làm mấy mâm cơm mời đại diện nhà gái, thường là ông hoặc bà (nội, ngoại), bố hoặc mẹ cô gái, cô gái và một người bạn gái thân của cô đến mừng lễ hôn nhân thành công. Thực ra, đây là dịp để cô dâu nhận họ nhà chồng trước khi đám cưới được tổ chức. Vì quan niệm, đôi bạn đã làm phép cưới có nghĩa là "đã nên một xương thịt" nên lễ cưới phải được tổ chức nhanh chóng (từ 3 ngày đến một tuần sau lễ hôn nhân) để đôi tân hôn có thể về chung sống với nhau.

2.7. Lễ cưới

Khác với các làng Việt không theo Thiên chúa giáo ở nước ta, mùa cưới của người

Công giáo Yên Mỹ chia làm hai lần trong một năm. Nếu mùa cưới truyền thống của người Việt vào lúc nông nhàn (từ cuối mùa thu đến đầu mùa xuân) thì mùa cưới của người Việt Công giáo lại phải tránh hai mùa: Lễ Giáng sinh và Lễ Phục sinh (Mùa Vọng và Mùa Chay). Như vậy, mùa cưới của người Yên Mỹ vào sau Mùa Vọng, trước Mùa Chay và sau Mùa Chay, trước Mùa Vọng.

Sau khi đã định ngày và định đồ thách cưới, nhà trai đưa lễ sang nhà gái. Đồ lễ gồm 200-300 cau tươi, 30-40 lít rượu, 6-10 *nồi* gạo (cả gạo tẻ và gạo nếp, mỗi *nồi* khoảng trên 20 kg), 50-60 kg lợn hơi và một khoản tiền cọc để sắm đồ cho cô dâu. Gần đến ngày cưới, nhà trai dẫn lễ sang nhà gái và hẹn giờ đến đón dâu. Ở Yên Mỹ thường tổ chức đón dâu vào buổi tối, sau giờ *đoạn thờ* (khoảng 20- 21^h).

Do lễ cưới của người Yên Mỹ chỉ có tính khao làng và "trình làng" nên khách mời là mọi gia đình trong làng và cỗ cưới rất đơn giản. Trước đây, khách mời thường không có tiền mừng và quà tặng như ngày nay. Nếu có mừng, chỉ là họ hàng thân cận và người ta chỉ mừng cho nhà trai. Sau ngày cỗ tiệc, nhà trai chuẩn bị làm lễ xin dâu.

Lễ xin dâu được tiến hành như sau: Khi đoàn đón dâu đến ngõ nhà gái, mọi người chỉnh lại trang phục, sắp xếp thứ tự ai đi trước, ai đi sau. Người đại diện của đoàn đón dâu sắp lễ (gồm 3-5 quả cau, vài lá trầu) vào nhà gái trước, báo giờ xin dâu để nhà gái chuẩn bị đón tiếp. Đây là lễ không thể thiếu ở đám cưới của người Yên Mỹ và phải tiến hành nhanh.

Sau khi đại diện nhà trai có lời, nhà gái thường nhận lời và cử người đại diện cùng trở ra để đón rể và đoàn nhà trai vào. Trong

khi chờ cô dâu ra, họ nhà gái tiến hành nhận rể và có lời khuyên bảo. Chàng rể không được phép ngồi mà phải đứng để nhận lời dạy bảo của họ hàng cô dâu. Khi đã xong, cô dâu bước ra, cùng chú rể lễ (tục này đã bỏ từ lâu) và chào bố mẹ, họ hàng. Khi lễ xin dâu kết thúc, chú rể cùng phù rể và đoàn đón dâu đi trước, cô dâu cùng phù dâu và đoàn đưa dâu đi sau. Thường thì cô dâu không chịu đi nên nhà trai phải cử người đốt pháo ở cuối đoàn đưa dâu, buộc cô dâu phải đi.

Đến cổng nhà trai, cô dâu không chịu vào nhà ngay mà chờ đại diện nhà trai (thường là mẹ hoặc chị em gái của mẹ chú rể) ra đón thì mới vào. Cô dâu cùng hai phù dâu được vào thẳng trong nhà. Ở đó những người nóc họ nhà trai, nhà gái, cô dâu chú rể và những người thân cận sẽ làm lễ đón dâu. Đầu tiên, người đại diện nhà gái có lời, đại ý là nhà gái đưa dâu sang, bây giờ cô dâu đã là con hai họ, cháu còn thơ dại, có điều gì không biết mong gia đình dạy bảo cháu thêm...

Đại diện nhà trai tiếp lời và bắt đầu giới thiệu những người nóc họ và người thân cận của chú rể. Những người này có lời khuyên nhủ, dạy bảo cô dâu khi cô dâu ngồi xuống chiếu giữa hai phù dâu. Sau đó cô dâu đi mời trầu và mời nước họ hàng nhà chú rể.

Kết thúc lễ nhận dâu, cô dâu chú rể và gia đình nhà trai mời cơm hai họ. Tối hôm đó, bạn gái của cô dâu và bạn trai của chú rể ở lại "ngủ bạn". Sáng hôm sau, các anh em trai và chị em gái về sớm còn cô dâu ở lại bưng nước lên cho bố mẹ chồng rửa mặt để đi nhà thờ.

2.8. Lễ lại mặt

Sáng hôm sau, cô dâu chú rể đưa lễ sang nhà gái làm lễ lại mặt. Lễ vật thường là một

mâm xôi, một con gà và một chai rượu. Bao giờ số đồ lễ đó cũng được bố mẹ cô gái chia làm đôi và lại bên nhà trai một nửa.

Như vậy, hôn nhân của người Công giáo Yên Mỹ phải qua nhiều nghi lễ, từ "thăm nhà" đến "lại mặt" thì mới được coi đúng thủ tục của dân làng.

3. MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP HÔN NHÂN ĐẶC BIỆT

3.1. Hôn nhân giữa người theo và không theo Đạo

Trước đây ở Yên Mỹ, đám cưới thường diễn ra giữa những đôi trai gái cùng làng, đồng thời cùng có Đạo. Nhưng ngày nay, tỷ lệ hôn nhân hỗn hợp tôn giáo giữa bên "Đạo" và bên "Lương" (không theo Thiên Chúa giáo) ngày càng nhiều. Những trường hợp "đặc biệt" này có thêm một số thủ tục như sau:

Sau khi đã đăng ký kết hôn, người chưa có Đạo phải xin giấy giới thiệu của Linh mục gần nơi ở của mình nhất và họ phải làm nghi lễ nhập Đạo.

Gia đình có Đạo gốc sẽ tìm một người có tuổi, đứng đắn, đạo hạnh và đức tin vững vàng để làm bố hoặc làm mẹ đỡ đầu cho người làm dâu hoặc làm rể tương lai của nhà mình. Khi đã có bố mẹ đỡ đầu rồi, người ấy sẽ mang tên thánh của người đỡ đầu, được làm phép rửa tội (dội nước), học Kinh, giáo lý và sống đạo như bạn mình.

3.2. Hôn nhân của người góa

Với nữ giới, nếu chồng bị chết mà muốn đi bước nữa, phải chờ sau 3 năm mãn tang chồng mới được phép. Nghi lễ kết hôn cũng như với người cưới lần đầu, nhưng được tổ chức ở quy mô nhỏ hơn và khách mời thường

là họ hàng thân cận và hàng xóm. Tuy nhiên, trường hợp đi bước nữa của người phụ nữ ở Yên Mỹ rất hiếm.

Đối với nam giới, do quan niệm "Người đàn ông ở một mình không tốt" nên họ thường đi bước nữa và thời gian để tang vợ không quy định, mà tùy theo tình cảm của họ với người vợ đã qua đời và hoàn cảnh gia đình.

3.3. Hôn nhân của người có chửa trước

Theo quy định trước đây của làng, những người có chửa trước, nếu dân làng không biết bố của thai nhi thì gọi là hoang thai (chửa hoang) và cô gái sẽ bị cạo đầu, bôi vôi rồi đuổi ra khỏi làng. Bố mẹ cô gái sẽ thành người mắc tội nặng, không bao giờ được tham dự các Bí tích và vào các đoàn hội; nhất là họ phải chịu sự khinh bỉ, xa lánh của dân làng. Vì thế, nếu một cô gái có thai mà người tình không chịu nhận thì cô thường bỏ làng ra đi, khi nào sinh con xong mới trở về làng để không ai hay biết. Nếu dân làng biết cô gái có mang với ai thì cả hai người sẽ bị trói vào cột, bị đánh và phải nộp vạ cho làng rồi mới được cưới. Tất cả các nghi lễ đều được tiến hành như đám cưới bình thường, nhưng nhà gái mất quyền thách cưới, còn nhà trai thì tùy tâm mà dẫn lễ sang nhà gái.

Tuy nhiên theo giáo luật, nếu có chửa trước hôn nhân là mắc tội với Chúa và dân làng, nên cả hai người sẽ không được lãnh Bí tích hôn nhân và không được làm phép cưới trong nhà thờ, chỉ làm *phép rao* (không có lễ và không có giáo dân tham dự).

Nếu kết hôn với người không phải Công giáo nhưng lại không theo Đạo, sau này người ấy muốn theo Đạo thì vẫn phải làm nghi lễ nhập Đạo và làm phép cưới trong nhà

thờ hoặc phép rao. Trường hợp này không bị coi là có chửa trước hôn nhân.

3.4. Trường hợp đám cưới ở rể

Với trường hợp đám cưới ở rể, nhà gái phải thoả thuận trước và được sự đồng ý của gia đình và bản thân chàng rể. Với đám cưới như vậy, nhiều khi nhà gái không đòi hỏi bất cứ lễ vật nào, thậm chí nếu khá giả còn có thể đứng ra tổ chức cho cả hai bên. Thường thì mọi nghi lễ của đám cưới vẫn diễn ra bình thường nhưng nhà gái không thách cưới. Sau lễ cưới, cô dâu ở nhà chồng một thời gian rồi hai vợ chồng trở về ở bên ngoại.

3.5. Cưới chạy tang

Khi trong gia đình có người sắp qua đời mà đôi trai gái chưa làm phép hôn nhân do thời gian *rao* chưa đủ, ban hành giáo có thể chiếu cố và cho làm phép cưới trước thời gian quy định, nếu không mắc ngăn trở gì.

Nếu gia đình có người chết chưa khám liệm và phát tang, trong khi lại có con cháu đã ăn hỏi nhưng chưa *rao* trên nhà thờ, nhà trai sẽ dẫn lễ sang nhà gái xin dâu về và nhận con. Làm thủ tục này xong, tang chủ mới phát tang. Sau đám tang, đôi trai gái ấy chỉ được làm lễ hôn nhân trong nhà thờ và không tổ chức đám cưới nữa. Khi tổ chức cưới chạy tang, khách mời thường là người trong họ gần và hàng xóm thân cận. Nếu tang ở nhà gái thì sau khi đưa dâu mới phát tang. Làm lễ đón dâu xong, chàng rể cùng cô dâu phải trở lại nhà gái để chịu tang.

KẾT LUẬN

Chế độ hôn nhân của người Việt Công giáo ở Yên Mỹ là một vợ một chồng, ngoại hôn, đồng Đạo và cư trú bên nhà chồng. Khác với các làng Việt không theo Đạo, ở Yên Mỹ không có trường hợp ly dị và cảnh

"chồng chung vợ cha". Tuy nhiên, hôn nhân của người dân Yên Mỹ còn bảo lưu nhiều yếu tố văn hoá truyền thống của dân tộc, vừa mang đặc điểm chung của người Việt lại vừa có nét riêng của người Công giáo. Chính nhờ những nguyên tắc và nghi lễ trong hôn nhân như vậy mà hôn nhân của người dân Yên Mỹ rất bền vững, nhưng mặt khác, cũng hạn chế phần nào sự tự do của con người.

Hôn nhân ở đây chỉ được cộng đồng công nhận khi đã tiến hành đầy đủ các nghi lễ theo tập quán và nếp sống của làng, từ nghi lễ trong gia đình đến các nghi lễ ở nhà thờ, đặc biệt là các nghi lễ tôn giáo liên quan đến nhà thờ. Ở Yên Mỹ ngày càng có nhiều cuộc hôn nhân hỗn hợp tôn giáo. Khuynh hướng hôn nhân hỗn hợp hai chiều giữa "bên Lương" và "bên Đạo" không làm ảnh hưởng đến hạnh phúc của gia đình mà trở thành cầu nối cho sự đoàn kết tôn giáo giữa các cộng đồng theo tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau.

Hôn nhân của người Công giáo Yên Mỹ trong thời gian gần đây đã có nhiều đổi mới. Những đổi mới đó phù hợp với "Luật hôn nhân và gia đình" và đúng với đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta. Song có một thực tế là cuộc sống của người Công giáo ở Yên Mỹ đến nay vẫn chịu sự chi phối của nếp sống riêng đã được coi là giá trị trong lĩnh vực hôn nhân. Đó là quan niệm về hôn nhân đồng Đạo, vấn đề ly hôn và hôn nhân sau ly hôn. Những quan niệm này được cộng đồng chấp nhận và trở nên khá bền vững. Cơ sở của các giá trị ấy là hệ thống giáo lý liên quan đến hôn nhân. Đối với người Công giáo, luật Chúa buộc "phải giữ một vợ một chồng và phải trung thành với nhau cho đến chết. Ai ly dị bạn mình mà lấy

người khác thì phạm tội ngoại tình và ai lấy người ly dị cũng phạm tội ngoại tình". Giáo lý hôn nhân Công giáo cho rằng đó là "điều kiện cần hãn để xây dựng hạnh phúc gia đình và giáo dục con cái".

Trên thực tế, không phải cứ "trung thành một vợ một chồng cho đến chết" là gia đình có hạnh phúc và giáo dục con cái tốt. Vì thế, Nhà nước ta đã cho phép ly hôn nhưng chỉ những trường hợp mục đích của hôn nhân không đạt được, như xác định của Nghị quyết số 02 năm 2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (02/2000/NQ/HĐTP). Luật hôn nhân gia đình của Nhà nước ta cũng cho phép những trường hợp ly hôn được tái giá mà không "mắc tội ngoại tình".

Ly hôn và tái giá là giải pháp bắt buộc dĩ của các cặp vợ chồng nhưng trong một số trường hợp lại mang đến hạnh phúc cho họ. Như vậy, luật "Vĩnh đơn hôn" trong trường hợp này không còn là điều kiện để xây dựng hạnh phúc gia đình và giáo dục con cái tốt nữa.

Chú thích

- (1). *Sổ gia đình Công giáo* (luu hành nội bộ).
- (2). Tên thánh: tên của nam như Giuse, Đa Minh, Joseph..., tên của nữ: Maria, An na, Catarina...
- (3). *Kinh thánh Tân ước*- Tòa tổng giám mục Hà Nội, 1997 (tr.2, 23-24).
- (4). *Sổ gia đình Công giáo* (luu hành nội bộ).